

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐỀ NGHỊ HỦY XÓA NỢ TIỀN PHẠT CHẬM NỘP, TIỀN CHẬM NỘP
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó:			
										4917	4931	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+15	11	12	13	14
	Tổng cộng doanh nghiệp, tổ chức (01 NNT)								923.400				923.400
	Theo Quyết định xóa nợ số 542/QĐ-UBND ngày 18/06/2021 của UBND tỉnh Gia Lai												
1	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Đại Việt	5900340618	19 Lê Duẩn, phường Trà Bá, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai	Phường Hội Phú	Võ Minh Trung	211006994	23/02/2005	Công an tỉnh Bình Định	923.400				923.400
	Tổng cộng cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh (05 NNT)								5.811.503	954.870	4.563.251	77.112	216.270
	Theo Quyết định xóa nợ số 3082/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 của UBND tỉnh Bình Định												
1	Trần Văn Vinh	4101037518	Thôn Phú Mỹ 1, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai	Xã Tuy Phước	Trần Văn Vinh	052082010870	05/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	134.201		134.201		
2	Nguyễn Vũ Tiến	4101022617	Thôn Vân Hội 2, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai	Xã Tuy Phước	Nguyễn Vũ Tiến	052088007937	22/07/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	633.726		447.336		186.390
	Theo Quyết định xóa nợ số 1613/QĐ-UBND ngày 15/05/2023 của UBND tỉnh Bình Định												
1	Phan Thanh Thắng	4000557006	Đường Biên Cương, phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai	Phường Bồng Sơn	Phan Thanh Thắng	052078004809	21/11/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	2.836.752	953.412	1.866.240		17.100
2	Trần Xuân Chí	4100888298	61 Hai Bà Trưng, phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai	Phường Bồng Sơn	Trần Xuân Chí	052075006740	01/09/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	2.189.670		2.112.558	77.112	
3	Võ Xuân Hùng	4101468017	Khu phố Cửu Lợi Đông, phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai	Phường Hoài Nhơn	Võ Xuân Hùng	052077010901	28/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	17.154	1.458	2.916		12.780
Cộng									6.734.903	954.870	4.563.251	77.112	1.139.670